| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẤP VÒ**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Phượng.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 nguyên đơn Nguyễn Bá T trình bày:* Ông T và bà H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1982, đến năm 2021 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2021 ngày 28/5/2021. Sau kết hôn, ông T và bà H sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên vợ chồng đã xa nhau hơn 05 năm nay không còn sống chung. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên ông Nguyễn Bá T yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H. Quá trình sống chung thì ông T và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1986 và Nguyễn Thuận H1, sinh năm 1991 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2025 bị đơn Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà H và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1982, đến năm 2021 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2021 ngày 28/5/2021. Sau kết hôn, bà H và ông T sống hạnh phúc

đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà Nguyễn Thị Kim H đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Bá T. Quá trình sống chung thì bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1986 và Nguyễn Thuận H1, sinh năm 1991 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Bá T với bà Nguyễn Thị Kim H; Về con chung: đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: ông T và bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Bá T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn". Bị đơn Nguyễn Thị Kim H có hộ khẩu và cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Kim H đã triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H sống chung vơi nhau như vợ chồng từ năm 1982 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2021 ngày 28/5/2021 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông T trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian dài thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn đầm ấm, hiện vợ chồng không còn sống chung. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cũng trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bá T đối với bà Nguyễn Thị Kim H.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1986 và Nguyễn Thuận H1, sinh năm 1991 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng ông T và bà H trong vụ kiện này.

[2.4] Về nợ chung: Ông T và bà H trình bày vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hônn và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Bá T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Kim H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (CNKH số 20/2021 ngày 28/5/2021) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Nhựt Minh**